

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Diện và ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

(Chị H, anh H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh H có quá trình tìm hiểu là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi nhau nên trong cuộc sống xảy ra nhiều xung đột. Đến tháng 02/2021 chị

chuyển đi nơi khác ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh H không có con chung và tài sản chung

Theo lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Trần Văn H trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như chị H trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết hôn do tính tình không hợp nên thường xảy ra cãi nhau, chị H đã bỏ nhà đi từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu ly hôn anh Trần Văn H, hiện tại anh H có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Trần Văn H, song xét thấy do điều kiện, công việc nên chị H, anh H không có mặt để tham gia phiên tòa nên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình và chính quyền địa phương cho phép đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị và H và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của

vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống chị H và anh H không có con chung và không có tài sản chung nên không xem xét

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Trần Văn H

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H

3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003399, ngày 06/7/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà